TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **2328**/2025/DS-ST
Ngày: 30 – 9 -2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Kim Hường

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị An Thành – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Bà Trần Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2025/TLST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1012/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 715/2025/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP X; Địa chỉ: Tầng H, Tòa nhà V, số G đường L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường S, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Thanh H, sinh năm 1990 hoặc bà Phan Ngọc Tâm D, sinh năm 1998; Địa chỉ: Số C đường N, Khu phố C, phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) (Giấy uỷ quyền số 58/2025/UQ-EIBHT ngày 11/6/2025) (Có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Xuân L, sinh năm 1989 và bà Lâm Thị Ái N, sinh năm 1995; Địa chỉ: Số B đường L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 12/6/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP X do bà Phan Ngọc Tâm D làm đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngân hàng TMCP X (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) có ký với ông Nguyễn Xuân L và bà Lâm Thị Ái N các Hợp đồng tín dụng như sau:

1. Hợp đồng tín dụng số 1406LAV250005205 ngày 16/01/2025:

Ông Nguyễn Xuân L và bà Lâm Thị Ái N đã ký với Ngân hàng Hợp đồng tín dụng số 1406LAV250005205 ngày 16/01/2025. Thực hiện Hợp đồng tín dụng trên, Ngân hàng đã giải ngân cho ông L và bà N theo khế ước nhận nợ số 1406LDS250000010 ngày 16/01/2025, cụ thể:

- Số tiền vay: 906.000.000 đồng (Chín trăm lẻ sáu triệu đồng).

- Mục đích sử dụng: Thanh toán tiền mua 01 xe ô tô pickup Ranger Raptor 2.0L AT 4X4, nhãn hiệu: Ford, số tự động, năm sản xuất: 2024, mới: 100%, màu xe: Trắng, nhập khẩu Thái Lan. Biển kiểm soát 51L-679.57.

- Thời hạn vay: 72 tháng, kể từ ngày giải ngân đầu tiền là ngày 16/01/2025 đến ngày 16/01/2031.

- Thời gian ân hạn gốc: 18 tháng

- Lịch trả nợ gốc: Hàng tháng vào ngày 16 số tiền gốc trả mỗi tháng là 15.100.000 đồng, vào kỳ trả nợ gốc cuối cùng khách hàng phải trả hết nợ gốc còn lại của khoản vay.

- Lịch trả lãi: Hàng tháng vào ngày 16;

- Ngày giải ngân: 16/01/2025, phân kỳ trả nợ mỗi tháng 1 lần vào ngày 16 hàng tháng; Ngày trả nợ lãi đầu tiên: 16/02/2025.

- Ngày chuyển nợ vay nhóm 2: 25/4/2025

- Lãi suất cho vay: Áp dụng cho công thức tính lãi quy định tại hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ là 7,75%/năm trên cơ sở một năm là 365 ngày, số dư nợ tính lãi theo số dư đầu ngày tính lãi, cố định 24 tháng đầu kể từ ngày giải ngân sau đó được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần.

Lãi suất áp dụng tại thời điểm điều chỉnh được xác định là Lãi suất cho vay = (bằng) lãi suất cơ sở do Ngân hàng công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh + (cộng) 3,0 %/năm.

- Lãi suất quá hạn: Theo Điều 3 khoản 3.2 Lãi suất trên nợ gốc quá hạn chưa trả ("Lãi suất quá hạn"): 150% mức lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn quy định theo Hợp đồng tín dụng số 1406LAV250005205 ngày 16/01/2025.

- Lãi chậm trả: Theo Điều 3 khoản 3.3 Lãi suất trên số tiền lãi chậm trả: 10%/năm, lãi trên số tiền lãi chậm trả được xác định theo công thức quy định tại

mục 2 Phụ lục kèm theo Hợp đồng tín dụng số 1406LAV250005205 ngày 16/01/2025.

- Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 7,75%/năm

- Lãi suất tại thời điểm khởi kiện: 7,75%/năm

Để đảm bảo cho khoản vay, ông L và bà N có ký với Ngân hàng Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 1406HĐBĐ202511003 ngày 16/01/2025 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 1406HĐBĐ202511003 - Lần 1 ngày 10/02/2025 để thế chấp tài sản là xe ô tô FORD, biển kiểm soát: 51L-679.57, số loại: RANGER RAPTOR, số khung: MPBAMFE60RX641844, số máy: YN2RRX641844 do ông Nguyễn Xuân L đứng tên chủ sở hữu theo Giấy chứng nhận đăng ký số 50167079 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an Thành phố H cấp ngày 14/01/2025. Tài sản thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm số đăng ký 1573764914 ngày 16/01/2025 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng nêu trên, ông L và bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết, khoản nợ vay của ông L và bà N quá hạn kể từ ngày 16/4/2025. Qua nhiều lần liên hệ qua điện thoại, thư thông báo nợ với ông L và bà N nhưng khách hàng không có thiện chí hợp tác với Ngân hàng để trả nợ và giải quyết nợ quá hạn.

Tính tới thời điểm hiện nay, ông L và bà N đã thanh toán được cho Ngân hàng tổng số tiền là 11.411.775 đồng, trong đó nợ gốc là 0 đồng, lãi là 11.411.775 đồng.

Theo đó, tạm tính đến ngày 30/9/2025, ông L và bà N còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 945.124.258 đồng, trong đó nợ gốc là 906.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 38.219.648 đồng, lãi phạt chậm trả là 904.610 đồng.

2. Đối với Hợp đồng thẻ tín dụng:

Ngoài khoản vay nêu trên, ông Nguyễn Xuân L còn được Ngân hàng cấp hạn mức thẻ tín dụng – Dòng thẻ Visa Platinum Cash Back hạn mức 50.000.000 đồng theo Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số hồ sơ 05/25-HĐT/EIBHT ngày 16/01/2025. Trong quá trình sử dụng ông L đã phát sinh trễ hạn thanh toán thẻ kể từ ngày 26/5/2025. Qua nhiều lần liên hệ trực tiếp để làm việc với khách hàng nhưng ông L không có thiện chí hợp tác với Ngân hàng để trả nợ và giải quyết nợ quá hạn.

- Tạm tính đến ngày 30/9/2025, dư nợ thẻ của ông L còn nợ Ngân hàng là 58.290.154 đồng, trong đó nợ gốc là 49.073.168 đồng, lãi trong hạn là 8.122.930 đồng, lãi quá hạn là 1.094.056 đồng.

Vì vậy, nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những yêu cầu sau:

- Yêu cầu ông Nguyễn Xuân L và bà Lâm Thị Ái N trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 30/9/2025 của Hợp đồng tín dụng số 1406LAV250005205 ngày 16/01/2025 là 945.124.258 đồng, trong đó nợ gốc là 906.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 38.219.648 đồng, lãi phạt chậm trả là 904.610 đồng. Tiền lãi tiếp tục phát sinh từ ngày 01/10/2025 theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký cho đến khi ông L và bà N trả xong nợ.

- Yêu cầu ông Nguyễn Xuân L thanh toán cho Ngân hàng tổng dư nợ sử dụng và tiền lãi phát sinh của thẻ tín dụng được cấp Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số hồ sơ 05/25-HĐT/EIBHT ngày 16/01/2025 tạm tính đến ngày 30/9/2025 là 58.290.154 đồng, trong đó nợ gốc là 49.073.168 đồng, lãi trong hạn là 8.122.930 đồng, phí trễ hạn là 1.094.056 đồng. Tiền lãi tiếp tục được tính từ ngày 01/10/2025 theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số hồ sơ 05/25-HĐT/EIBHT đã ký cho đến khi ông L trả xong nợ.

- Trường hợp ông L và bà N không trả nợ, trả không trả đủ nợ thì Ngân hàng có quyền phát mại tài sản bảo đảm hoặc yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là xe ô tô Ford biển kiểm soát 51L-679.57 do ông Nguyễn Xuân L đứng tên chủ sở hữu theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50167079 do Phòng C - Công an Thành phố H cấp ngày 14/01/2025. Nếu giá trị tài sản bảo đảm không thu hồi đủ nợ thì ông L và bà N tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán cho đến khi xong nợ.

- Yêu cầu ông L và bà N thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Toà án nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập đương sự cho ông Nguyễn Xuân L và bà Lâm Thị Ái N nhưng ông L, bà N không có mặt tại Toà án để giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn: Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình

giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng như sau:

- *Về tố tụng:* Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên căn cứ Điều 280, Điều 299, Điều 303, Điều 307, Điều 320, Điều 323, Điều 385, Điều 401, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, Căn cứ Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024, Căn cứ Điều 21 và Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1.

+ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Xuân L và bà Lâm Thị Ái N có trách nhiệm trả cho nguyên đơn tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 30/9/2025 của Hợp đồng tín dụng ký ngày 16/01/2025 là 945.124.258 đồng. Trường hợp ông L, bà N không trả nợ hoặc chỉ trả được một phần khoản nợ thì nguyên đơn được quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải đã ký để thu hồi nợ vay.

+ Buộc ông Nguyễn Xuân L có trách nhiệm trả cho nguyên đơn tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 30/9/2025 của Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế là 58.290.154 đồng.

+ Án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và nghe ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét Đơn khởi kiện đề ngày 12/6/2025 của nguyên đơn, Hợp đồng tín dụng số 1406LAV250005205 ngày 16/01/2025, Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số hồ sơ 05/25-HĐT/EIBHT ngày 16/01/2025, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Theo địa chỉ bị đơn cung cấp trong các Hợp đồng tín dụng, nguyên đơn đã cung cấp địa chỉ của bị đơn tại số B đường L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Theo kết quả xác minh của Công an phường T, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện ông Nguyễn Xuân L và bà Lâm Thị Ái N có hộ khẩu thường trú tại số B đường L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành

phố Hồ Chí Minh). Nhưng thực tế không cư trú tại địa phương từ năm 2022 đến nay.

Như vậy, trong đơn khởi kiện nguyên đơn đã ghi đúng và đầy đủ nơi cư trú của bị đơn. Nay bị đơn vắng mặt tại địa phương nhưng không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ.

Từ những phân tích trên, Tòa án nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 85/2025/QH15.

- *Về thủ tục xét xử vắng mặt nguyên đơn:* Đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 24/9/2025. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn:* Do ông Nguyễn Xuân L và bà Lâm Thị Ái N vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông L và bà N.

Tòa án nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Tại các thông báo này cũng thể hiện rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông L và bà N không có mặt, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ, văn bản trình bày ý kiến về vụ án, cũng như không có ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định pháp luật. Ông L và bà N phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Xét, Hợp đồng tín dụng số 1406LAV250005205 ngày 16/01/2025, Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số hồ sơ 05/25-HĐT/EIBHT ngày 16/01/2025 cùng với lời khai của đại diện nguyên đơn thể hiện thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung không trái với quy định pháp luật nên có hiệu lực từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại Điều 385, Điều 401 và Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.1] Về yêu cầu trả nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số 1406LAV250005205 ngày 16/01/2025:

Căn cứ các hợp đồng tín dụng nêu trên cùng khế ước nhận nợ số 1406LDS250000010 ngày 16/01/2025 có cơ sở xác định ông L, bà N có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng và số tiền Ngân hàng đã thực tế giải ngân là 906.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ số 1406LDS250000010 ngày

16/01/2025. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông L, bà N chưa trả cho Ngân hàng được khoản tiền nợ gốc nào. Việc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn của bị đơn đã vi phạm quy định của Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng và vi phạm Điều 280, Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015Do đó, nguyên đơn yêu cầu ông L, bà N trả số nợ gốc tính đến ngày 30/9/2025 là 906.000.000 đồng có cơ sở để chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu trả nợ lãi của Hợp đồng tín dụng số 1406LAV250005205 ngày 16/01/2025:

Tại Hợp đồng tín dụng số 1406LAV250005205 ngày 16/01/2025, các bên có thỏa thuận lãi suất cho vay trong hạn là 7,75%/năm, được cố định 24 tháng sau đó được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần. Lãi suất áp dụng tại thời điểm điều chỉnh được xác định là Lãi suất cho vay = (bằng) lãi suất cơ sở do Ngân hàng công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh + (cộng) 3,0 %/năm. Lãi suất trong hạn áp dụng tại thời điểm hiện tại là 7,75%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn.

Căn cứ Điều 100 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 về việc quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì Hội đồng xét xử xét thấy hai bên thỏa thuận mức lãi suất, lãi suất quá hạn phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ lãi tính đến ngày 30/9/2025 là 39.536.033 đồng, trong đó: nợ lãi trong hạn là 38.219.648 đồng, lãi phạt chậm trả là 904.610 đồng là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

Tổng số tiền, ông L, bà N phải trả cho Ngân hàng của Hợp đồng tín dụng số 1406LAV250005205 ngày 16/01/2025 tạm tính đến ngày 30/9/2025 là 945.124.258 đồng, trong đó nợ gốc là 906.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 38.219.648 đồng, lãi phạt chậm trả là 904.610 đồng;

[2.3] Về yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo:

Để bảo đảm cho các khoản vay nêu trên, ông Nguyễn Xuân L và bà Lâm Thị Ái N có thế chấp tài sản là xe ô tô FORD, biển kiểm soát: 51L-679.57, số loại: RANGER RAPTOR, số khung: MPBAMFE60RX641844, số máy: YN2RRX641844 do ông Nguyễn Xuân L đứng tên chủ sở hữu theo Giấy chứng nhận đăng ký số 50167079 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an Thành phố H cấp ngày 14/01/2025.

Xét, Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 1406HĐBĐ202511003 ngày 16/01/2025 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số

1406HĐBĐ202511003-lần 1 ngày 10/02/2025 và tài sản thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm số đăng ký 1573764914 ngày 16/01/2025 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 298, Điều 317, Điều 318, Điều 319 Bộ luật Dân sự 2015. Đồng thời, các bên đều thể hiện ý chí của mình, đã đọc và đồng ý ký tên. Từ những phân tích và nhận định nêu trên có đủ căn cứ xác định hợp đồng thế chấp phát sinh hiệu lực đối với các bên.

Vì vậy, ông L và bà N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn có quyền phát mại tài sản bảo đảm hoặc yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ là phù hợp với quy định tại các Điều 299, Điều 303, Điều 307, Điều 320, Điều 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Cụ thể, nguyên đơn có quyền phát mại tài sản bảo đảm hoặc yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm sau để thu hồi nợ vay:

- Xe ô tô FORD, biển kiểm soát: 51L-679.57, số loại: RANGER RAPTOR, số khung: MPBAMFE60RX641844, số máy: YN2RRX641844 do ông Nguyễn Xuân L đứng tên chủ sở hữu theo giấy chứng nhận đăng ký số 50167079 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an Thành phố H cấp ngày 14/01/2025.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thực hiện nghĩa vụ trả nợ của ông L và bà N với Ngân hàng. Trường hợp số tiền thu được không đủ để trả hết khoản nợ thì ông L và bà N vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng.

[2.4] Về yêu cầu trả nợ gốc và lãi của Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số hồ sơ 05/25-HĐT/EIBHT ngày 16/01/2025:

Việc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn của ông L đã vi phạm quy định của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, vi phạm Điều 280, Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015

Căn cứ Điều 100 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 về việc quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì Hội đồng xét xử xét thấy hai bên thỏa thuận mức lãi suất, lãi suất quá hạn và phạt vi phạm phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông L phải trả toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày 30/9/2025 là 58.290.154 đồng, trong đó: nợ gốc là 49.073.168 đồng, nợ lãi là 8.122.930 đồng và phí trễ hạn là 1.094.056 đồng là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

[3] Về thời hạn và phương thức thanh toán:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông L, bà N trả toàn bộ số tiền còn nợ một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy ông L, bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, đã gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu ông L, bà N trả số tiền trên một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng: Ngân hàng yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng đã được Ngân hàng tạm ứng. Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên căn cứ Điều 157, Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, ông L, bà N có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông L và bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cụ thể như sau:

- Đối với Hợp đồng tín dụng số 1406LAV250005205 ngày 16/01/2025, ông L và bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn là 945.124.258 đồng, do đó án phí ông L và bà N phải chịu là 40.353.728 đồng;

- Đối với Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số hồ sơ 05/25-HĐT/EIBHT ngày 16/01/2025, ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn là 58.290.154 đồng, do đó án phí ông L phải chịu là 2.914.508 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng toàn bộ tiền tạm ứng án phí là 19.836.491 đồng theo Biên lai thu tiền số 0001302 ngày 02/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

[6] Tại phiên tòa hôm nay, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 158, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, Điều 299, Điều 303, Điều 307, Điều 320, Điều 323, Điều 385, Điều 401, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ Điều 21 và Điều 22 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 về việc quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP X:

- Buộc ông Nguyễn Xuân L và bà Lâm Thị Ái N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP X tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 30/9/2025 của Hợp đồng tín dụng số 1406LAV250005205 ngày 16/01/2025 là 945.124.258 đồng (Chín trăm bốn mươi lăm triệu, một trăm hai mươi bốn nghìn, hai trăm năm mươi tám đồng), trong đó nợ gốc là 906.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 38.219.648 đồng, lãi phạt chậm trả là 904.610 đồng;

Trong trường hợp ông L, bà N không trả nợ hoặc chỉ trả được một phần khoản nợ thì Ngân hàng TMCP X được quyền phát mại tài sản bảo đảm hoặc yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 1406HĐBĐ202511003 ngày 16/01/2025 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 1406HĐBĐ202511003-lần 1 ngày 10/02/2025 để thu hồi nợ vay, cụ thể là: Xe ô tô FORD, biển kiểm soát: 51L-679.57, số loại: RANGER RAPTOR, số khung: MPBAMFE60RX641844, số máy: YN2RRX641844 do ông Nguyễn Xuân L đứng tên chủ sở hữu theo giấy chứng nhận đăng ký số 50167079 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an Thành phố H cấp ngày 14/01/2025.

Sau khi xử lý hết tài sản bảo đảm mà vẫn không trả hết nợ, ông L và bà N có trách nhiệm tiếp tục trả nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi hết nợ.

- Buộc ông Nguyễn Xuân L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP X tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 30/9/2025 của Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số hồ sơ 05/25-HĐT/EIBHT ngày 16/01/2025 là 58.290.154 đồng (Năm mươi tám triệu, hai trăm chín mươi nghìn, một trăm năm mươi bốn đồng), trong đó nợ gốc là 49.073.168 đồng, nợ lãi trong hạn là 8.122.930 đồng, phí trễ hạn là 1.094.056 đồng;

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo

từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Thời hạn thanh toán: Thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Địa điểm thi hành: Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2/ Về chi phí tố tụng:

Ông Nguyễn Xuân L và bà Lâm Thị Ái N có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng TMCP X chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Xuân L và bà Lâm Thị Ái N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 40.353.728 đồng (Bốn mươi triệu, ba trăm năm mươi ba nghìn, bảy trăm hai mươi tám đồng).

- Ông Nguyễn Xuân L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.914.508 đồng (Hai triệu, chín trăm mười bốn nghìn, năm trăm lẻ tám đồng).

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP X toàn bộ tiền tạm ứng án phí là 19.836.491 đồng (Mười chín triệu, tám trăm ba mươi sáu nghìn, bốn trăm chín mươi mốt đồng) theo Biên lai thu tiền số 0001302 ngày 02/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4/ Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Khu vực 9, TP. HCM;
- THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Hương